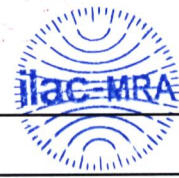


SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *1924* /KQ-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM



Mã số mẫu: 01424.26	Trang: 1/2
---------------------	------------

Tên khách hàng : Hoạt động ngoại kiểm, kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt năm 2026 (Theo Kế hoạch số 53/KH-KSBT ngày 26/03/2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai)

Địa chỉ : Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Đồng Nai – Hẻm 807, đường Đồng Khởi, KP9, phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai

Tên mẫu : **Nước sinh hoạt**

Lượng mẫu : 3000+500ml

Ngày nhận mẫu : 20/05/2026

Ngày trả kết quả : 01/06/2026

Địa điểm lấy mẫu : HCM 4 - Nước cấp tại nhà máy nước Hồ Cầu Mới - Nhà máy nước Hồ Cầu Mới - Công ty Cổ phần cấp nước Hồ Cầu Mới

Người lấy mẫu : Khoa SKMT-YTTH - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Đồng Nai

Tình trạng mẫu : Đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh, nắp đậy kín và bảo quản lạnh.

Đồng Nai, ngày 29 tháng 05 năm 2026.

KHOA XÉT NGHIỆM
TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Phi Long
Nguyễn Phi Long



Nguyễn Xuân Quang



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 01424.26

Trang: 2/2

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213B (PP lọc màng)	0/100ml	< 1CFU/100ml	20/05/2026
2	<i>Escherichia coli</i> *	TCVN 6187-1: 2019	0/100ml	< 1CFU/100ml	20/05/2026
3	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997- 375.4	0,23 mg/l	≤ 250 mg/l	22/05/2026
4	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> *	TCVN 8881:2011	0/100ml	< 1CFU/100ml	20/05/2026
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2023	20,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	22/05/2026
6	Coliform tổng số *	TCVN 6187-1: 2019 (PP. màng lọc)	0/100ml	< 1CFU/100ml	20/05/2026
7	Độ đục	Turbidity AL450T-IR	0,21 NTU	≤ 2 NTU	20/05/2026
8	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	22/05/2026
9	Arsenic (As)**	US EPA 200.8	Không phát hiện	≤ 0,01 mg/l	
10	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	0,32 mg/l	≤ 2mg/l	21/05/2026
11	Fluor (F)	Fluor test	0,07 mg/l	≤ 1,5mg/l	25/05/2026
12	Mangan *(Mn)	SMEWW 3111B:2023	Không phát hiện	≤ 0,1mg/l	26/05/2026
13	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	TCVN 6179:1996	0,03 mg/l	≤ 1 mg/l	22/05/2026
14	Clorua (Chloride) (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	11,12 mg/l	≤ 300 mg/l	26/05/2026
15	Nitrat *(NO ₃ ⁻ tính theo N)	TCVN 6180:1996	0,06 mg/l	≤ 11 mg/l	22/05/2026
16	Nitrit *(NO ₂ ⁻ tính theo N)	SMEWW 4500 NO ₂ ⁻ B:2023	Không phát hiện	≤ 0,9 mg/l	20/05/2026
17	Sắt *(Ferrum)(Fe)	SMEWW 3111B:2023	Không phát hiện	≤ 0,3mg/l	26/05/2026

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01-1:2024/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

- (*): Phép thử đã được công nhận phù hợp ISO/IEC 17025.

- (**): Chỉ tiêu xét nghiệm được thực hiện bởi nhà thầu phụ (nếu có).

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *1423* /KQ-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM



Mã số mẫu: 01423.26	Trang: 1/2
---------------------	------------

Tên khách hàng : Hoạt động ngoại kiểm, kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt năm 2026 (Theo Kế hoạch số 53/KH-KSBT ngày 26/03/2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai)

Địa chỉ : Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Đồng Nai – Hẻm 807, đường Đồng Khởi, KP9, phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai

Tên mẫu : **Nước sinh hoạt**

Lượng mẫu : 3000+500ml

Ngày nhận mẫu : 20/05/2026

Ngày trả kết quả : 01/06/2026

Địa điểm lấy mẫu : HCM 3 - Nước cấp tại van Nhà thờ áp 5, xã Long Phước - Nhà máy nước Hồ Cầu Mới - Công ty Cổ phần cấp nước Hồ Cầu Mới

Người lấy mẫu : Khoa SKMT-YTTH - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Đồng Nai

Tình trạng mẫu : Đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh, nắp đậy kín và bảo quản lạnh.

KHOA XÉT NGHIỆM
TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Phi Long
Nguyễn Phi Long

Đồng Nai, ngày 20 tháng 05 năm 2026



Nguyễn Xuân Quang



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 01423.26

Trang: 2/2

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213B (PP lọc màng)	0/100ml	< 1CFU/100ml	20/05/2026
2	<i>Escherichia coli</i> *	TCVN 6187-1: 2019	0/100ml	< 1CFU/100ml	20/05/2026
3	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997- 375.4	Không phát hiện	≤ 250 mg/l	22/05/2026
4	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> *	TCVN 8881:2011	0/100ml	< 1CFU/100ml	20/05/2026
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2023	36,50 mg/l	≤ 300,0 mg/l	22/05/2026
6	Coliform tổng số*	TCVN 6187-1: 2019 (PP. màng lọc)	0/100ml	< 1CFU/100ml	20/05/2026
7	Độ đục	Turbidity AL450T-IR	0,28 NTU	≤ 2 NTU	20/05/2026
8	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	22/05/2026
9	Arsenic (As)**	US EPA 200.8	Không phát hiện	≤ 0,01 mg/l	
10	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	0,48 mg/l	≤ 2mg/l	21/05/2026
11	Fluor (F)	Fluor test	0,14 mg/l	≤ 1,5mg/l	25/05/2026
12	Mangan *(Mn)	SMEWW 3111B:2023	Không phát hiện	≤ 0,1mg/l	26/05/2026
13	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	TCVN 6179:1996	0,02 mg/l	≤ 1 mg/l	22/05/2026
14	Clorua (Chloride) (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	11,12 mg/l	≤ 300 mg/l	26/05/2026
15	Nitrat *(NO ₃ ⁻ tính theo N)	TCVN 6180:1996	0,08 mg/l	≤ 11 mg/l	22/05/2026
16	Nitrit *(NO ₂ ⁻ tính theo N)	SMEWW 4500 NO ₂ ⁻ B:2023	Không phát hiện	≤ 0,9 mg/l	20/05/2026
17	Sắt *(Ferrum)(Fe)	SMEWW 3111B:2023	Không phát hiện	≤ 0,3mg/l	26/05/2026

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01-1:2024/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

- (*): Phép thử đã được công nhận phù hợp ISO/IEC 17025.

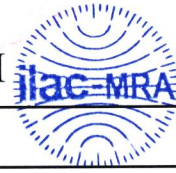
- (**): Chỉ tiêu xét nghiệm được thực hiện bởi nhà thầu phụ (nếu có).

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *1422* /KQ-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM



Mã số mẫu: 01422.26	Trang: 1/2
---------------------	------------

- Tên khách hàng : Hoạt động ngoại kiểm, kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt năm 2026 (Theo Kế hoạch số 53/KH-KSBT ngày 26/03/2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai)
- Địa chỉ : Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Đồng Nai – Hẻm 807, đường Đồng Khởi, KP9, phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai
- Tên mẫu : **Nước sinh hoạt**
- Lượng mẫu : 3000+500ml
- Ngày nhận mẫu : 20/05/2026
- Ngày trả kết quả : 01/06/2026
- Địa điểm lấy mẫu : HCM 2 - Nước cấp tại van ngã tư cô nhi viện Hoa Mai, xã Long Phước - Nhà máy nước Hồ Cầu Mới - Công ty Cổ phần cấp nước Hồ Cầu Mới
- Người lấy mẫu : Khoa SKMT-YTTH - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Đồng Nai
- Tình trạng mẫu : Đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh, nắp đậy kín và bảo quản lạnh.

KHOA XÉT NGHIỆM
TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Phi Long
Nguyễn Phi Long

Đồng Nai, ngày 29 tháng 05 năm 2026



Nguyễn Xuân Dương
Nguyễn Xuân Dương



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 01422.26

Trang : 2/2

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213B (PP lọc màng)	0/100ml	< 1CFU/100ml	20/05/2026
2	<i>Escherichia coli</i> *	TCVN 6187-1: 2019	0/100ml	< 1CFU/100ml	20/05/2026
3	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997- 375.4	Không phát hiện	≤ 250 mg/l	22/05/2026
4	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> *	TCVN 8881:2011	0/100ml	< 1CFU/100ml	20/05/2026
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2023	38,50 mg/l	≤ 300,0 mg/l	22/05/2026
6	Coliform tổng số *	TCVN 6187-1: 2019 (PP. màng lọc)	0/100ml	< 1CFU/100ml	20/05/2026
7	Độ đục	Turbidity AL450T-IR	0,11 NTU	≤ 2 NTU	20/05/2026
8	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	22/05/2026
9	Arsenic (As)**	US EPA 200.8	Không phát hiện	≤ 0,01 mg/l	
10	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	0,32 mg/l	≤ 2mg/l	21/05/2026
11	Fluor (F)	Fluor test	0,10 mg/l	≤ 1,5mg/l	25/05/2026
12	Mangan *(Mn)	SMEWW 3111B:2023	Không phát hiện	≤ 0,1mg/l	26/05/2026
13	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ Tính theo N)	TCVN 6179:1996	0,02 mg/l	≤ 1 mg/l	22/05/2026
14	Clorua (Chloride) (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	11,81 mg/l	≤ 300 mg/l	26/05/2026
15	Nitrat *(NO ₃ ⁻ tính theo N)	TCVN 6180:1996	0,08 mg/l	≤ 11 mg/l	22/05/2026
16	Nitrit *(NO ₂ ⁻ tính theo N)	SMEWW 4500 NO ₂ ⁻ B:2023	Không phát hiện	≤ 0,9 mg/l	20/05/2026
17	Sắt *(Ferrum)(Fe)	SMEWW 3111B:2023	Không phát hiện	≤ 0,3mg/l	26/05/2026

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01-1:2024/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

- (*): Phép thử đã được công nhận phù hợp ISO/IEC 17025.

- (**): Chỉ tiêu xét nghiệm được thực hiện bởi nhà thầu phụ (nếu có).

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *MU* /KQ-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM



Mã số mẫu: 01421.26

Trang: 1/2

Tên khách hàng : Hoạt động ngoại kiểm, kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt năm 2026 (Theo Kế hoạch số 53/KH-KSBT ngày 26/03/2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai)

Địa chỉ : Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Đồng Nai – Hẻm 807, đường Đồng Khởi, KP9, phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai

Tên mẫu : **Nước sinh hoạt**

Lượng mẫu : 3000+500ml

Ngày nhận mẫu : 20/05/2026

Ngày trả kết quả : 01/06/2026

Địa điểm lấy mẫu : HCM 1 - Nước cấp tại van chặn tuyến đầu vào Công ty cổ phần cấp nước Nhơn Trạch 6 - Nhà máy nước Hồ Cầu Mới - Công ty Cổ phần cấp nước Hồ Cầu Mới

Người lấy mẫu : Khoa SKMT-YTTH - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Đồng Nai

Tình trạng mẫu : Đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh, nắp đậy kín và bảo quản lạnh.

Đồng Nai, ngày 29 tháng 07 năm 2026

KHOA XÉT NGHIỆM
TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Phi Long
Nguyễn Phi Long



Nguyễn Xuân Dương
Nguyễn Xuân Dương



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 01421.26	Trang: 2/2
---------------------	------------

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213B (PP lọc màng)	0/100ml	< 1CFU/100ml	20/05/2026
2	<i>Escherichia coli</i> *	TCVN 6187-1: 2019	0/100ml	< 1CFU/100ml	20/05/2026
3	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997- 375.4	Không phát hiện	≤ 250 mg/l	22/05/2026
4	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> *	TCVN 8881:2011	0/100ml	< 1CFU/100ml	20/05/2026
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2023	36,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	22/05/2026
6	Coliform tổng số *	TCVN 6187-1: 2019 (PP. màng lọc)	0/100ml	< 1CFU/100ml	20/05/2026
7	Độ đục	Turbidity AL450T-IR	0,30 NTU	≤ 2 NTU	20/05/2026
8	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	22/05/2026
9	Arsenic (As)**	US EPA 200.8	Không phát hiện	≤ 0,01 mg/l	
10	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	0,48 mg/l	≤ 2mg/l	21/05/2026
11	Fluor (F)	Fluor test	0,03 mg/l	≤ 1,5mg/l	25/05/2026
12	Mangan *(Mn)	SMEWW 3111B:2023	Không phát hiện	≤ 0,1mg/l	26/05/2026
13	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	TCVN 6179:1996	0,02 mg/l	≤ 1 mg/l	22/05/2026
14	Clorua (Chloride) (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	11,12 mg/l	≤ 300 mg/l	26/05/2026
15	Nitrat *(NO ₃ ⁻ tính theo N)	TCVN 6180:1996	0,09 mg/l	≤ 11 mg/l	22/05/2026
16	Nitrit *(NO ₂ ⁻ tính theo N)	SMEWW 4500 NO ₂ ⁻ B:2023	Không phát hiện	≤ 0,9 mg/l	20/05/2026
17	Sắt *(Ferrum)(Fe)	SMEWW 3111B:2023	Không phát hiện	≤ 0,3mg/l	26/05/2026

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01-1:2024/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

- (*): Phép thử đã được công nhận phù hợp ISO/IEC 17025.

- (**): Chỉ tiêu xét nghiệm được thực hiện bởi nhà thầu phụ (nếu có).